



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Quốc Dũng Ông Noboru Kobayashi Ông Chu Văn Phương Ông Trần Ngọc Bảo Ông Trịnh Văn Tuấn Bà Vũ Thị Minh Nhật Bà Đặng Phương Lan Ông Bùi Đức Long Ông Đào Anh Thắng	Chủ tịch Phó chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên độc lập <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Thành viên độc lập <i>(đến ngày 19/5/2025)</i>
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Chu Văn Phương Ông Trần Nhật Ninh Bà Ngô Thị Thu Thủy Ông Nguyễn Văn Thúc Ông Trần Ngọc Bảo Ông Nguyễn Văn Cường Ông Đào Anh Thắng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Phó Tổng Giám đốc Sản xuất <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Phó Tổng Giám đốc Nội chính Phó Tổng Giám đốc Tài chính Trưởng Khối sản xuất <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Trưởng Khối Kinh doanh <i>(từ ngày 19/5/2025)</i>
--------------------------	--	--

Ủy ban Kiểm toán	Bà Vũ Thị Minh Nhật Bà Đặng Phương Lan Ông Đào Anh Thắng Ông Bùi Đức Long	Chủ tịch <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Chủ tịch <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(đến ngày 19/5/2025)</i>
-------------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 2 An Đà Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00206-25-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.752.581.136.876	4.472.882.423.054
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	310.890.070.432	532.864.832.803
Tiền	111		310.890.070.432	291.883.664.188
Các khoản tương đương tiền	112		-	240.981.168.615
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.709.000.000.000	2.492.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.709.000.000.000	2.492.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		547.312.339.063	428.249.651.492
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	457.923.905.611	388.318.659.135
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	117.094.793.419	66.751.850.700
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	30.651.668.720	28.721.429.057
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(58.358.028.687)	(55.542.287.400)
Hàng tồn kho	140	14	1.169.031.130.535	1.005.126.876.948
Hàng tồn kho	141		1.169.064.741.809	1.005.160.488.222
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.611.274)	(33.611.274)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.347.596.846	14.641.061.811
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.967.905.734	12.467.355.826
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.022.873.642	1.757.070.115
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	356.817.470	416.635.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.939.769.802.723	1.941.989.104.469
Tài sản cố định	220		1.227.623.788.179	1.265.480.616.982
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.227.623.788.179	1.258.375.266.982
<i>Nguyên giá</i>	222		3.224.849.048.980	3.186.287.977.774
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.997.225.260.801)	(1.927.912.710.792)
Tài sản cố định vô hình	227	16	-	7.105.350.000
<i>Nguyên giá</i>	228		9.861.049.107	16.966.399.107
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.861.049.107)	(9.861.049.107)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.956.862.670	11.118.996.692
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	13.956.862.670	11.118.996.692
Đầu tư tài chính dài hạn	250		557.678.346.073	520.028.184.664
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	397.653.157.473	360.002.996.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	101.360.188.600	101.360.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		140.510.805.801	145.361.306.131
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	139.826.316.659	144.555.266.991
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	684.489.142	806.039.140
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.692.350.939.599	6.414.871.527.523

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.920.982.365.390	2.748.497.317.518
Nợ ngắn hạn	310		2.920.982.365.390	2.748.497.317.518
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	200.410.354.933	313.880.517.607
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	487.609.704.272	668.967.092.614
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	133.311.198.338	71.943.353.295
Phải trả người lao động	314		88.616.290.095	54.748.719.227
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	146.761.350.916	121.204.259.409
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	30.612.975.615	29.134.580.844
Vay ngắn hạn	320	25	1.827.224.127.278	1.481.765.662.365
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	6.436.363.943	6.853.132.157
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.771.368.574.209	3.666.374.210.005
Vốn chủ sở hữu	410	27	3.771.368.574.209	3.666.374.210.005
Vốn cổ phần	411	28	1.425.322.840.000	1.425.322.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.425.322.840.000	1.425.322.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	1.217.621.008.916	1.217.621.008.916
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.128.424.725.293	1.023.430.361.089
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		595.991.121.503	287.770.849.552
- LNST kỳ này/năm nay	421b		532.433.603.790	735.659.511.537
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.692.350.939.599	6.414.871.527.523

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	32	3.364.655.266.341	2.722.187.335.517
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	104.852.657.509	93.112.860.786
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	32	3.259.802.608.832	2.629.074.474.731
Giá vốn hàng bán	11	33	2.263.618.703.909	1.801.473.037.622
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		996.183.904.923	827.601.437.109
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	77.468.999.012	35.956.009.480
Chi phí tài chính	22	35	74.066.236.204	63.767.406.306
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.342.311.719	23.466.434.923
Phần lãi trong công ty liên kết	24	9(b)	38.149.936.409	10.704.524.208
Chi phí bán hàng	25	36	277.925.529.711	299.274.694.372
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	127.992.335.906	99.892.399.197
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		631.818.738.523	411.327.470.922
Thu nhập khác	31		10.739.354.167	4.205.225.655
Chi phí khác	32		7.349.048.465	423.330.607
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.390.305.702	3.781.895.048
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		635.209.044.225	415.109.365.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	102.653.890.437	67.777.674.531
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	121.549.998	99.415.428
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		532.433.603.790	347.232.276.011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		532.433.603.790	347.232.276.011
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	2.802	1.827

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	635.209.044.225	415.109.365.970
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.734.845.617	76.551.651.803
Các khoản dự phòng	03	2.815.741.287	(1.672.200.650)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(70.059.260)	118.689.046
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(117.195.647.750)	(45.815.059.231)
Chi phí lãi vay	06	37.342.311.719	23.466.434.923
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	635.836.235.838	467.758.881.861
Biến động các khoản phải thu	09	(89.513.147.496)	339.088.865.031
Biến động hàng tồn kho	10	(163.904.253.587)	189.102.025.038
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(225.596.108.371)	673.419.442.795
Biến động chi phí trả trước	12	396.619.288	(569.515.998)
		157.219.345.672	1.668.799.698.727
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.342.512.485)	(26.057.315.913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.591.902.725)	(51.398.766.555)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(71.525.297.800)	(16.345.266.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.240.367.338)	1.574.998.350.259
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(79.898.894.217)	(30.966.640.408)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	10.045.885.909	262.727.273
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	23	(1.585.000.000.000)	(1.200.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	1.368.000.000.000	300.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(5.400.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27	76.925.527.591	36.535.572.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(209.927.480.717)	(899.568.340.293)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.488.803.424.144	1.616.594.333.427
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.143.344.959.231)	(2.371.849.400.805)
Tiền trả cổ tức	36	(356.330.710.000)	(129.575.334.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.872.245.087)	(884.830.401.378)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(222.040.093.142)	(209.400.391.412)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	532.864.832.803	485.324.285.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	65.330.771	(2.886.518)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	310.890.070.432	275.921.007.557

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2025		1/1/2025	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty TNHH Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

(i) Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập vào ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 3 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty và các công ty con có 1.371 nhân viên (1/1/2025: 1.360 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.

(iii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty và các công ty con là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty và các công ty con

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	447.629.303	237.516.360
Tiền gửi ngân hàng	310.442.441.129	291.646.147.828
Các khoản tương đương tiền	-	240.981.168.615
	<hr/>	<hr/>
	310.890.070.432	532.864.832.803

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
		30/6/2025			1/1/2025	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		2.709.000.000.000	2.709.000.000.000		2.492.000.000.000	2.492.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	100.000	10.000.000.000	(*)	100.000	10.000.000.000	(*)
		60.000.000.000			60.000.000.000	

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 6,9% (1/1/2025: từ 4,4% đến 9%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm 6,4%.

(iii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Địa chỉ	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2025			1/1/2025		
		Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (i)	27,39%	18.816.613	385.250.927.942	(*)	13.440.438	347.702.264.522	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (ii)	49,98%	499.775	12.402.229.531	(*)	499.775	12.300.731.542	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (iii)	51,00%	-	-	(*)	-	-	(*)
			397.653.157.473			360.002.996.064	

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2024 bằng cách phát hành 19.626.491 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 40% vốn điều lệ, tương đương 196.264 triệu VND. Công ty được nhận 5.376.175 cổ phiếu.

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

(iii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phân ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất từ những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	360.002.996.064	337.713.724.687
Phần lãi trong công ty liên kết	38.149.936.409	10.704.524.208
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	37.548.663.420	10.139.324.209
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	601.272.989	565.199.999
Cổ tức được chia	(499.775.000)	(499.775.000)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	(499.775.000)	(499.775.000)
Số dư cuối kỳ	397.653.157.473	347.918.473.895

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025				1/1/2025					
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (i)	1.980.000	1,80%	46.800.000.000	-	108.900.000.000	1.980.000	1,80%	46.800.000.000	-	98.604.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)
			<u>101.360.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>				<u>101.360.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được xác định dựa trên giá giao dịch công khai của cổ phiếu trên thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	184.516.235.204	227.636.669.133
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	45.070.844.867	45.070.844.867
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	5.381.694.039	7.111.109.982
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	17.496.000	12.204.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	32.318.438	20.012.400
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	170.748.124.630	57.549.413.148
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	21.029.311.080	22.563.585.360
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.238.521.980	13.238.521.980
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Tiền Phong Nam Miền Trung	8.272.496.736	8.272.496.736
Iplex Pipelines NZ Ltd	4.245.407.428	1.922.933.586
Các khách hàng khác	5.371.455.209	4.920.867.943
	457.923.905.611	388.318.659.135

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Eplas	61.225.765.349	45.211.510.015
Công ty TNHH Công nghệ xanh Hoa Sen	8.981.500.000	4.954.444.000
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	7.106.424.214	1.675.601.286
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	2.881.089.137	797.208.539
Fu Chun Shin Machinery Manufacture Co., Ltd	8.532.217.000	1.890.750.000
ERA INTERNATIONAL TRADING(SHANGHAI) CO.,LTD	2.800.519.968	-
Công ty CP TM và DV Hoàng Phương	1.879.500.000	-
GNATA FILIPPO S.R.L	1.637.070.085	-
Công ty TNHH Tuyết Nga	1.620.679.200	-
Các nhà cung cấp khác	20.430.028.466	12.222.336.860
	117.094.793.419	66.751.850.700

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu tiền lãi	23.298.178.090	23.445.929.210
Tạm ứng	4.088.624.420	1.145.407.894
Đặt cọc	902.000.000	550.000.000
Phải thu khác	2.362.866.210	3.580.091.953
	30.651.668.720	28.721.429.057

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2025				1/1/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i> Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát Công ty TNHH Vi Nam Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-
	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	3.751.674.814	(2.626.172.370)	1.125.502.444	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	3.751.674.814	(1.885.837.407)	1.865.837.407
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa Đối tượng khác	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	13.238.521.980	(8.309.947.326)	4.928.574.654	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	13.238.521.980	(6.235.382.970)	7.003.139.010
	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	207.746.316	(205.641.396)	2.104.920	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	207.746.316	(204.799.428)	2.946.888
		64.414.210.705	(58.358.028.687)	6.056.182.018		64.414.210.705	(55.542.287.400)	8.871.923.305

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(58.358.028.687)

(55.542.287.400)



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	165.781.526.487	-	215.937.111.594	-
Nguyên vật liệu	693.047.384.862	-	472.594.434.817	-
Công cụ và dụng cụ	15.632.076.174	-	14.950.126.888	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.965.577.037	-	29.835.442.118	-
Thành phẩm	254.588.838.603	(33.611.274)	271.843.372.805	(33.611.274)
Hàng hóa	49.338.646	-	-	-
	1.169.064.741.809	(33.611.274)	1.005.160.488.222	(33.611.274)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.731.800.682.966	1.226.821.945.903	210.297.090.146	17.368.258.759	3.186.287.977.774
Tăng trong kỳ	-	108.200.000	-	-	108.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	7.553.632.535	32.629.545.404	5.033.033.778	-	45.216.211.717
Thanh lý	-	(2.275.205.966)	(4.488.134.545)	-	(6.763.340.511)
Số dư cuối kỳ	1.739.354.315.501	1.257.284.485.341	210.841.989.379	17.368.258.759	3.224.849.048.980
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	848.900.493.586	915.248.717.595	146.515.287.944	17.248.211.667	1.927.912.710.792
Khấu hao trong kỳ	39.680.148.210	30.044.295.823	6.105.226.906	73.393.542	75.903.064.481
Thanh lý	-	(2.102.379.927)	(4.488.134.545)	-	(6.590.514.472)
Số dư cuối kỳ	888.580.641.796	943.190.633.491	148.132.380.305	17.321.605.209	1.997.225.260.801
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	882.900.189.380	311.573.228.308	63.781.802.202	120.047.092	1.258.375.266.982
Số dư cuối kỳ	850.773.673.705	314.093.851.850	62.709.609.074	46.653.550	1.227.623.788.179

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 877.100 triệu VND (1/1/2025: 856.779 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	7.105.350.000	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	16.966.399.107
Thanh lý	(7.105.350.000)	-	-	-	(7.105.350.000)
Số dư cuối kỳ	-	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	9.861.049.107
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	-	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	9.861.049.107
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	7.105.350.000	-	-	-	7.105.350.000
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.118.996.692	47.357.468.650
Tăng trong kỳ	48.054.077.695	26.539.836.868
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.216.211.717)	(26.366.308.102)
Số dư cuối kỳ	13.956.862.670	47.530.997.416

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	3.706.501.364	8.958.047.418
Máy móc, thiết bị	10.250.361.306	2.160.949.274
	13.956.862.670	11.118.996.692

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND		
Số dư đầu kỳ	100.248.527.753	4.073.029.634	40.233.709.604	144.555.266.991
Tăng trong kỳ	-	360.000.000	10.160.976.324	10.520.976.324
Phân bổ trong kỳ	(1.831.781.136)	(3.272.279.143)	(10.145.866.377)	(15.249.926.656)
Số dư cuối kỳ	98.416.746.617	1.160.750.491	40.248.819.551	139.826.316.659

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	684.489.142	806.039.140

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	632.046.205	64.345.557
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	53.277.416.220	50.599.782.132
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.301.336.328	4.722.479.155
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	2.133.076.000
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	31.140.252.002	62.859.292.650
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	18.787.109.677	58.693.010.632
Solmer Future Ltd	-	23.238.123.480
Vinmar International LLC	-	17.771.231.520
Tricon Dry Chemicals LLC	14.120.996.000	9.050.164.200
Công ty TNHH Một Thành Viên Vang Bình Minh	-	11.358.160.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gredmann Việt Nam	11.717.748.900	-
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	15.724.001.572	-
Công ty TNHH Liên doanh Axaltic Việt Nam	4.983.252.120	-
Công ty Cổ phần KTG Electric	3.116.766.762	4.385.961.540
Các nhà cung cấp khác	42.609.429.147	69.004.890.741
	200.410.354.933	313.880.517.607

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Tam Phước	248.459.150.608	285.025.337.411
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	156.933.604.129	226.095.918.081
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	78.572.077.873	114.869.496.757
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	671.693.191	41.026.151.952
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	51.609.603	37.990.624
Công ty CP Thương mại & Đầu tư Hồng Phước	1.306.776.518	121.320.359
Các khách hàng khác	1.614.792.350	1.790.877.430
	487.609.704.272	668.967.092.614

22. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.313.062.488	289.251.222.819	(265.358.570.981)	30.205.714.326
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	96.597.307.952	(96.597.307.952)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.433.409.941	102.653.890.437	(49.591.902.725)	100.495.397.653
Thuế thu nhập cá nhân	17.841.444.690	7.805.635.135	(23.392.429.642)	2.254.650.183
Tiền thuê đất	-	2.622.240.000	(2.622.240.000)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	11.639.427.104	(11.639.427.104)	355.436.176
Các loại thuế khác	(416.635.870)	243.136.153	(183.317.753)	(356.817.470)
	71.526.717.425	510.812.859.600	(449.385.196.157)	132.954.380.868

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước	416.635.870	356.817.470
Thuế phải nộp Nhà nước	71.943.353.295	133.311.198.338

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi vay phải trả	2.457.415.885	2.457.616.651
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	108.465.561.028	76.668.192.175
Chi phí vận chuyển	6.197.818.528	9.334.805.502
Chi phí thuê đất	25.849.574.571	18.952.898.621
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.304.661.112	6.918.223.882
Chi phí phải trả khác	1.486.319.792	6.872.522.578
	146.761.350.916	121.204.259.409

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	-	5.002.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	11.191.051.830	10.803.693.782
Phải trả Công đoàn	8.715.910.957	8.291.054.191
Các khoản phải trả khác	10.706.012.828	5.037.832.871
	30.612.975.615	29.134.580.844

25. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.481.765.662.365	2.488.803.424.144	(2.143.344.959.231)	1.827.224.127.278

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất năm từ 3,8% đến 5,2% (1/1/2025: từ 3,8% đến 4,8%).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.853.132.157	19.475.926.387
Trích lập trong kỳ	71.108.529.586	55.209.254.770
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(70.000.000.000)	(15.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(1.525.297.800)	(1.345.266.000)
Số dư cuối kỳ	6.436.363.943	58.339.915.157

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2024	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	645.494.562.252	3.115.499.287.238
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	347.232.276.011	347.232.276.011
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	43.369.623.930	(43.369.623.930)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(129.575.334.000)	(129.575.334.000)
	-	-	(55.209.254.770)	(55.209.254.770)
Số dư tại ngày 30/6/2024	1.295.753.340.000	1.217.621.008.916	764.572.625.563	3.277.946.974.479
Số dư tại ngày 1/1/2025	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	1.023.430.361.089	3.666.374.210.005
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	532.433.603.790	532.433.603.790
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(356.330.710.000)	(356.330.710.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(71.108.529.586)	(71.108.529.586)
Số dư tại ngày 30/6/2025	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	1.128.424.725.293	3.771.368.574.209

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	142.532.284	1.425.322.840.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức năm 2024 bằng tiền trị giá 356.330 triệu VND (2.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ, đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã thanh toán hết khoản cổ tức này) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)); và ii) trả cổ tức cho năm 2024 bằng cách phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ. Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai phương án, lựa chọn thời điểm và thực hiện việc phát hành.

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	11.624.303.945	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	46.497.215.780	44.201.976.835
Trên năm năm	222.211.390.210	221.628.646.340
	280.332.909.935	276.692.621.300

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	52.947	1.363.927.343	229.714	5.800.245.928

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	299.928.772.238	122.763.480.049

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	3.203.759.990.088	2.590.465.419.184
▪ Doanh thu khác	160.895.276.253	131.721.916.333
	3.364.655.266.341	2.722.187.335.517
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(101.999.064.909)	(87.927.309.844)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.853.592.600)	(5.185.550.942)
	(104.852.657.509)	(93.112.860.786)
Doanh thu thuần	3.259.802.608.832	2.629.074.474.731

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	2.097.765.085.353	1.588.742.351.333
▪ Giá vốn khác	165.853.618.556	212.730.686.289
	2.263.618.703.909	1.801.473.037.622

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	75.166.300.831	30.869.290.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.190.997.541	1.080.188.080
Cổ tức được chia	1.111.700.640	4.006.531.308
	<hr/>	<hr/>
	77.468.999.012	35.956.009.480
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.342.311.719	23.466.434.923
Chiết khấu thanh toán	36.676.372.039	40.000.036.939
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.552.446	300.934.444
	<hr/>	<hr/>
	74.066.236.204	63.767.406.306
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	30.971.611.114	27.097.558.711
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	103.137.963.156	144.212.227.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.238.951.105	12.096.445.321
Chi phí vận chuyển	68.385.997.461	50.743.396.354
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	21.896.898.853	26.779.116.441
Chi phí bán hàng khác	41.294.108.022	38.345.949.786
	<hr/>	<hr/>
	277.925.529.711	299.274.694.372
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	54.808.966.974	50.192.744.425
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.793.098.864	13.459.224.671
Chi phí khác bằng tiền	30.531.465.384	21.144.589.044
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.815.741.287	(1.672.200.650)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.043.063.397	16.768.041.707
	127.992.335.906	99.892.399.197

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.005.433.077.976	1.556.960.415.903
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	103.137.963.156	144.212.227.759
Chi phí nhân công và nhân viên	229.215.728.741	201.587.567.691
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.734.845.617	76.551.651.803
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.815.741.287	(1.672.200.650)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	172.421.109.105	142.913.101.928
Chi phí khác	71.703.043.007	62.469.467.392

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	102.653.890.437	67.777.674.531
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	121.549.998	99.415.428
Chi phí thuế thu nhập	102.775.440.435	67.877.089.959

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	635.209.044.225	415.109.365.970
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	127.041.808.845	83.021.873.194
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(10.672.570.431)	(8.139.559.768)
Thu nhập không bị tính thuế	(7.852.327.410)	(2.942.211.103)
Ưu đãi thuế của công ty con	(5.336.285.216)	(4.069.779.884)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.727.155	3.329.649
Khác	(408.912.508)	3.437.871
	102.775.440.435	67.877.089.959

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 30/6/2024	
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	532.433.603.790	347.232.276.011
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(53.243.360.379)	(34.723.227.601)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	479.190.243.411	312.509.048.410
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) (b)	171.038.220	171.038.220
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.802	1.827

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số được phân bổ từ lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 53.243 triệu VND.

(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 30/6/2024	
	Đã điều chỉnh lại	
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	142.532.284	142.532.284
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức (Thuyết minh 40(c))	28.505.936	28.505.936
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	171.038.220	171.038.220

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngày 7 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 28.505.936 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐTN-2025 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	
	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Số cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	142.532.284	2.193
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức sau ngày kết thúc kỳ kế toán	28.505.936	(366)
Số điều chỉnh lại	171.038.220	1.827

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	VND
	VND	VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	104.132.754.082	69.868.915.941
Mua hàng hóa, dịch vụ	146.195.693.363	115.939.461.400
Hàng bán bị trả lại	-	35.724.640
Thu nhập khác	59.542.000	42.334.667
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	16.200.000	13.350.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	21.111.089.412	17.700.299.631
Cổ tức được chia	499.775.000	499.775.000

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Công ty liên quan khác

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải
– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân
liên quan của Công ty

Hàng bán trả lại	-	26.944.010
------------------	---	------------

Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong
– công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt

Bán hàng hóa	27.250.000	18.153.340
Mua hàng hóa	42.029.218.370	29.772.126.769
Thu nhập khác	2.674.480	-

Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung
thành viên quản lý chủ chốt

Bán hàng hóa	10.031.830.396	11.918.962.155
Mua hàng hóa	12.646.030.511	41.459.383.117

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Thành viên Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác

Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	2.326.021.302	1.772.777.299
Ông Noboru Kobayashi – Phó Chủ tịch	849.600.000	601.800.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên (đến ngày 19/5/2025)	511.978.500	307.080.000
Ông Bùi Đức Long – Thành viên (đến ngày 19/5/2025)	407.000.000	292.050.000

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.099.690.046	1.676.963.809
---	---------------	---------------

Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên
Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	1.847.324.734	1.382.614.408
---	---------------	---------------

Những người quản lý khác

Lương, thưởng và phúc lợi khác

(không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	3.738.876.848	2.479.592.450
---	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với số liệu trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan; và từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:

[Handwritten signature]

Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Người duyệt



Chu Văn

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

